**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ 2014**

**Hòa thượng Thượng Tịnh Hạ Không chủ giảng**

**TẬP 97**

Các vị pháp sư, các vị đồng tu, xin mời ngồi!

Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“*A Xà Lê tồn niệm*, *ngã đệ tử Diệu Âm*, *thỉ tùng kim nhật*, *nãi chí mạng tồn*, *quy y Phật Đà*, *lưỡng túc trung tôn*, *quy y Đạt Ma*, *ly dục trung tôn*, *quy y Tăng Già chư chúng trung tôn*.

*A Xà Lê tồn niệm*, *ngã đệ tử Diệu Âm*, *thỉ tùng kim nhật*, *nãi chí mạng tồn*, *quy y Phật Đà*, *lưỡng túc trung tôn*, *quy y Đạt Ma*, *ly dục trung tôn*, *quy y Tăng Già chư chúng trung tôn*.

*A Xà Lê tồn niệm*, *ngã đệ tử Diệu Âm*, *thỉ tùng kim nhật*, *nãi chí mạng tồn*, *quy y Phật Đà*, *lưỡng túc trung tôn*, *quy y Đạt Ma*, *ly dục trung tôn*, *quy y Tăng Già chư chúng trung tôn*”.

Mời xem “**Đại kinh Khoa chú**” trang 325, đếm ngược hàng thứ tư, xem từ câu thứ hai: “**Bồ Tát hiện ra vô lượng thân, ứng hiện trong các cõi nước nhiều như vi trần, chẳng có trụ xứ, chẳng có dấu vết**”, chúng ta xem trước bốn câu này.

Bồ Tát ở đây là chỉ cho Bồ Tát ở Thế Giới Cực Lạc, họ có năng lực hóa vô lượng thân. Cái này chúng ta đều có thể tin tưởng, không có gì để hoài nghi cả. Vãng sanh Thế Giới Cực Lạc, cho dù là cõi Đồng Cư hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng có thần thông như vậy. Loại trí huệ, sức mạnh, thần thông này, thông thường phải là Pháp thân Bồ Tát mới có thể chứng được. Thế Giới Cực Lạc…sanh qua bên đó, liền được oai thần bổn nguyện của A Di Đà Phật gia trì. Cho nên thần thông, sức mạnh của các ngài xem ra dường như ngang ngửa với A Di Đà Phật. Trong Pháp thân Bồ Tát, phẩm vị đều rất cao. 41 vị Pháp thân Đại sĩ trong cõi Thật Báo có vô vàn sức mạnh, gần bằng với Bồ Tát Địa Thượng bên Viên giáo. Cho nên, các ngài có thể hóa vô lượng thân, ứng hiện ở các cõi nước vi trần. Chư Phật có cảm, chúng sanh cũng có cảm; chư Phật là giáo hóa chúng sanh. Loại tín hiệu này, biến Pháp giới hư không giới, Pháp thân Bồ Tát đều biết. Họ muốn đến nghe kinh, đến Thế Giới Cực Lạc, họ sẽ có năng lực phân thân đi nghe kinh. Còn cái thân chính vẫn đang ở trong giảng đường lớn của A Di Đà Phật, như như bất động. Ứng hiện đến Vi trần Sát độ của chư Phật Như Lai khắp mười phương, đến bên đó cúng Phật, nghe pháp. Kèm theo đó là độ cho chúng sanh hữu duyên, việc này bất khả tư nghì, chẳng có trụ xứ.

Vì sao các ngài không có trụ xứ? Vì là hóa thân. Hễ có cảm, các ngài liền có ứng; cảm mất rồi thì ứng cũng biến mất. Cho nên, câu tiếp theo nói là: “**Chẳng có dấu vết**”; chỉ giống như một giấc mộng vậy. Những thứ trong mộng dường như là thật. Đến khi tỉnh lại rồi, đến vết tích cũng không có; không còn tìm thấy được nữa. Bồ Tát chính ngay ở trong mộng cũng không có trụ xứ, tức là chính vào ngay lúc ứng hiện; có khi một bộ kinh, không phải chỉ một ngày là có thể giảng xong. Như Thích Ca Mâu Ni Phật ở thế giới của chúng ta, giảng kinh dạy học ròng rã 49 năm. Bồ Tát ứng hóa đến cõi này, chí ít cũng phải trụ lại 49 năm, đó là hóa thân của các ngài. Mỗi phân đoạn, mỗi thời kỳ trong 49 năm này. Khi giảng xong rồi thì các ngài cũng biến mất; hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức.

Phần sau cùng ví dụ để nói: “**Như ánh chớp chớp nháng trên không; chẳng biết từ đâu đến, đi, cũng không có dấu tích nhất định**”. Tựa như tia chớp, tia chớp ấy mọi người chắc hẳn đều đã thấy qua; vừa nhá lên một cái thì liền biến mất. Nếu như có hai, ba xung điện hợp lại với nhau, thì nhìn thấy như pháo hoa vậy, nhưng chỉ trong nháy mắt là không còn rồi. Bồ Tát ứng hóa trong các cõi Phật vi trần, cũng chỉ như ánh chớp mà thôi, đến đi đều bất khả đắc. “**Bồ Tát bình đẳng; không có phân biệt trước, sau, đây, kia...**”, không hề có. Điều này nói lên cái gì? Chứng tỏ mười phương chư Phật có cảm, hết thảy chúng sanh có cảm; “cảm” của Phật và chúng sanh có trước có sau; còn “ứng” của Bồ Tát thì không có trước sau. Bồ Tát không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, còn chúng sanh thì sao? Phật không có khởi tâm động niệm, thuyết pháp độ sanh đều không có khởi tâm động niệm. Nhưng trong số chúng sanh được độ, chúng sanh có căn tánh thuộc hàng trung, hạ vẫn là có phân biệt; như chúng sanh trong vòng Sáu nẻo vẫn có phân biệt, chấp trước; còn trong Thập Pháp giới thì không còn chấp trước, nhưng có phân biệt. Thậm chí là Bồ Tát Tam thừa của Biệt giáo, vẫn còn khởi tâm động niệm; như thế chúng ta mới có thể thể hội được. Oai lực 48 nguyện của A Di Đà Phật, đó là công đức tu hành trong vô lượng kiếp của đức Di Đà gia trì cho người vãng sanh đến Thế Giới Cực Lạc. Cho dù là ngũ nghịch thập ác, trong phút lâm chung từ một niệm đến mười niệm đều được vãng sanh, đều được oai thần bổn nguyện của A Di Đà Phật gia trì một cách bình đẳng. Vừa được sự gia trì này, thì trí huệ, thần thông, đạo lực của chúng ta cùng với Pháp thân Bồ Tát, tức là Pháp thân Bồ Tát trong cõi Thật Báo, gần như là ngang bằng nhau, không có khác biệt. “***Như ánh chớp soi sáng mọi vật chẳng phân biệt trước, sau, đây, kia***” là đồng thời.

Phần sau, Niệm lão có thêm vào một lời Chú giải: “**Đoạn trên đây nói trong một niệm Bồ Tát đến khắp mười phương**”. Chỉ trong một niệm là đã phổ hiện khắp mười phương, vì sao? Vì không có không gian, không có thời gian. Thời gian và không gian đều là từ trong a lại da hiện ra; khi đã chuyển Tám thức thành Tứ trí, thì cả thời gian lẫn không gian đều bất khả đắc. Cho nên, chỉ có một niệm, chỉ trong một niệm là thảy đều hiện đến phổ hiện khắp mười phương. “***Nên sự thần tốc ấy***”, tốc độ ấy “***nhanh hơn tốc độ ánh sáng vô lượng ức lần***”, đây là sự thật, một chút cũng không giả. Đây là khoa đề của mục một “**vô trụ sanh tâm**”, trong kinh Kim Cang có câu: “**Ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm**”. *Vô trụ* là thảy đều buông bỏ tất cả khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, đây chân thật là vô trụ rồi. *Sanh tâm* là khởi dụng, tức là mười phương thế giới có cảm; không có chuyện gì là không biết rõ, không thấu suốt. Cho nên tự nhiên liền có ứng, ứng chính là sanh tâm; sanh khởi cái tâm cúng Phật nghe pháp; sanh khởi cái tâm độ hóa chúng sanh. Tuy là sanh tâm, nhưng không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước. Đây là cảnh giới minh tâm kiến tánh của Bồ Tát, cũng chính là A Duy Việt Trí Bồ Tát được đề cập trong bổn kinh này. Ích lợi của loại công đức thù thắng này, chúng ta có thể chứng được ngay trong một đời. Thế thì có thể không cầu được sao? Có thể bỏ qua được sao? Nếu thật lòng muốn vãng sanh thì phải nhớ kỹ: “**Phải buông xả**”. Cái gì cũng phải buông xả, pháp thế gian phải buông, mà cả Phật pháp cũng phải buông. Đức Phật trong kinh Kim Cang nói rất hay: “**Pháp còn phải xả, huống là phi pháp**”. Chữ “pháp” đó là chỉ cho Phật pháp; Phật pháp cũng phải buông xả huống hồ là pháp thế gian, thảy đều phải buông một cách sạch sẽ, vì sao? Vì như thế, chân tâm liền hiện tiền. Nếu không buông bỏ, nó sẽ trở thành chướng ngại của chân tâm, khiến chân tâm ô nhiễm. Cho nên, nhất định phải buông toàn bộ.

Phần sau là đoạn thứ tư: “**Ly kiến giải phược**”. Mời xem Kinh văn: “**Liệt ma kiến võng** (xé lưới kiến hoặc của ma), **giải chư triền-phược** (cởi các triền-phược)”. Tam phược([[1]](#footnote-1)) bát triền([[2]](#footnote-2)) chúng ta đã học qua rồi. Những phiền não này, đều là trong tà kiến mà sanh khởi ra. Chúng ta xem Chú giải của Niệm lão: “***Liệt ma kiến võng***” (xé lưới kiến hoặc của ma)”. *Liệt* (裂) là xé, là phá hoại, đây là từ trên ví dụ mà nói. Ma kiến chằng chịt giống như là tấm lưới vậy, chúng ta xé toang tấm lưới này ra. Ma…ma kiến, “***ma thì như Trí Độ Luận giảng; đoạt huệ mạng, hoại đạo pháp và gốc lành công đức, nên gọi là ma***”. Chữ “hoại” này liên quan đến cái ý được nói bên dưới, nó có thể đoạt lấy Pháp thân huệ mạng của chúng ta. Chúng ta có Pháp thân huệ mạng, vậy tại sao chúng ta không thể chứng được? Vấn đề chính bởi do đây mà ra. Nó tạo thành chướng ngại nhưng Pháp thân tuyệt chẳng hề bị hư hoại, chỉ là do bị nó chướng ngại nên không thể xuất đầu lộ diện. Không đạt được khởi dụng của Pháp thân huệ mạng, nó lại có thể phá hoại công phu tu đạo của chúng ta, có thể phá hoại công đức của chúng ta, có thể chướng ngại thiện bổn. Thiện bổn chính là “***bổn tánh bổn thiện***”, đã được Cổ thánh Tiên hiền nói đến. “Tánh bổn thiện” chính là thiện bổn được nói ngay chỗ này. Công đức cùng với thiện bổn đều là nói đến tánh đức của tự tánh. Năng sanh công đức, năng tích công đức, hết thảy thiện pháp đều là từ đó mà sanh ra, chính là từ tự tánh. Theo như cách nói của Huệ Năng Đại sư, chúng ta thấy có phần dễ hiểu hơn, Ngài bảo: “***Nào ngờ tự tánh, năng sanh vạn pháp***”. Đây gọi là ma, “***kiến (見) là suy nghĩ***”, tức là ý nghĩ; suy nghĩ chính là tư tưởng. “***Tìm cầu, quyết định v.v…***”, đây đều thuộc về phạm vi của kiến;“***bao hàm cả chánh lẫn tà***”, tức chánh kiến và tà kiến.

Chúng ta xem tiếp bên dưới: “**Sách Chỉ quán, quyển năm viết: Nhất thiết phàm phu, vị giai Thánh đạo** (hết thảy phàm phu chưa đạt Thánh đạo)”. *Giai* là giai cấp, vẫn chưa đạt đến địa vị Thánh đạo. Đạt được Thánh đạo đồng nghĩa với kiến tánh. Từ Sơ trụ Viên giáo cho đến Đẳng Giác, đây đều là Thánh đạo; vừa mới đạt được là Bồ Tát Sơ trụ của Viên giáo, hay là Sơ địa của Biệt giáo. “***Giới nhỉ khởi kế*** (hễ khởi lên một niệm nhỏ)”, *kế* tức là kế độ phân biệt([[3]](#footnote-3)), tức là khởi tâm động niệm. *Kế* là so sánh; *độ* là độ lượng, là so sánh. Nói một cách đơn giản chính là khởi tâm động niệm, thì thảy đều gọi là “kiến”.

“**Sách Đại thừa Nghĩa Chương, quyển năm lại giảng: suy cầu gọi là kiến. Trên đây là nghĩa rộng: Phàm có suy nghĩ, so sánh; phân biệt, suy cầu v.v... đều gọi là kiến**”, đây là nghĩa rộng của “kiến”. “**Sách Chỉ quán, quyển mười lại viết: Có tri giải quyết định thì gọi là Kiến**”, cái ý này khác với cái ý trước, nghĩa này là nghĩa hẹp. “**Vì chỉ xét tới tri giải có tính quyết định**”, tức là suy nghĩ và cách nhìn của bạn đã quyết định rồi, đây gọi là “kiến”, cái ý này tương đối hẹp. “**Kiến có chánh, tà, các loại kiến: Hữu, vô, tạm, thường...đều là tà kiến**”. Ngay chỗ này, chúng ta có thể thể hội được. Tà kiến, chánh kiến đều gọi là tà kiến; có kiến, vô kiến, đoạn kiến, thường kiến, thảy đều gọi là tà kiến. Vì sao? Vì trong tự tánh, tâm thanh tịnh, cái gì cũng không có, lấy đâu ra chánh kiến! Bởi vậy, Huệ Năng Đại sư nói rất hay: “***Xưa nay không một vật, làm gì dính bụi nhơ***”([[4]](#footnote-4)). Nếu như bạn có, tức là trong tâm bạn vẫn có tà kiến, chánh kiến, có kiến vô kiến, đoạn kiến thường kiến. “***Đoạn kiến là sanh-diệt, thường kiến là không sanh không diệt***”, bạn vẫn còn những thứ này. Thảy đều gọi là tà kiến. Những thứ này, trong kinh chẳng phải cũng thường hay nói đến đó sao? Đúng vậy. Trong kinh không có sai, nhưng chỉ cần bạn chấp trước, nó thì đó chính là tà kiến. Bạn đem những thứ này để trong tâm coi như hỏng rồi. Đến sau cùng, ngay cả A Di Đà Phật cũng không thể để trong tâm. Chúc mừng bạn, bạn chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, bước lên địa vị Diệu Giác.

Chưa chứng đến địa vị Diệu Giác thì cái ý niệm A Di Đà Phật là chánh kiến, nhất định không được từ bỏ. Chánh kiến một cái là đủ rồi, đừng có nhiều hơn nữa. Vì sao? Vì nhiều hơn thì biến thánh tà kiến. Trong tâm của người niệm Phật chỉ có một câu Di Đà, nhất mực niệm đến cùng. Niệm đến khi nào? Niệm đến khi vãng sanh Thế Giới Cực Lạc. Đến Thế Giới Cực Lạc rồi thì tu cái gì? Vẫn là một câu A Di Đà Phật này; không thay đổi, không để rớt mất. Vậy còn phải niệm đến khi nào? Niệm đến khi thành Đẳng Giác Bồ Tát, chứng đắc Đẳng Giác rồi. Đến khi đoạn sạch một phẩm, tập khí sanh tướng vô minh sau cùng. Lúc này Thường Tịch Quang hiện tiền; không còn thấy cõi Thật Báo, tự nhiên không thấy nữa, Thường Tịch Quang cũng tự nhiên xuất hiện. Đây chính là tập khí phiền não vô thủy vô minh đoạn được sạch sẽ rồi, lúc này chứng đắc Bồ đề viên mãn.

Phần sau của kinh Lăng Nghiêm có thêm vào một câu: “**Quy về vô sở đắc**”, bạn đạt được cái gì? Cái gì cũng chẳng đạt, chẳng được bất cứ thứ gì. Chính là chứng đắc viên mãn, chứng đắc tự tánh viên mãn, không còn mảy may chướng ngại nào. Trí huệ, đức năng, thần thông quảng đại, quả thật không cách gì tưởng nổi. Cho nên, cái ý ở chỗ này nhất định không được giải thích sai nghĩa, như trong kinh Kim Cang có nói: “**Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng**”. Thế Tôn phân “hiện tướng” ra thành bốn loại, là: “***Ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng***”, thảy đều được bao trọn trong đó. Không những không được có tướng, mà còn không thể chấp truớc nữa; “kiến” cũng không được phép có. *Tướng* tức là có hình, *kiến* là vô hình kiến, là gì? Đơn giản mà nói chính là ý niệm; bất kể ý niệm là tà là chánh, chẳng luận ý niệm là có hay là không, đều không được có. Vì sao? Vì cái kiến này là bản năng của tự tánh; không phải tu mà có, mà là thứ vốn dĩ có sẵn trong tự tánh.

Thế Tôn trong kinh Hoa Nghiêm nói rất hay: “**Tất cả chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng Như Lai**”. Cái “kiến” này là đức năng có sẵn trong tánh đức rồi; “tướng” là tướng hảo. Phật dùng ba món này để đại biểu cho tánh đức, tánh đức viên mãn trọn vẹn, thứ nhất là “trí huệ”, thứ hai là “đức năng”, thứ ba là “tướng hảo”, hoàn toàn hiển bày nơi Tây Phương Thế Giới Cực Lạc. Cho nên, vãng sanh đến Tây Phương Thế Giới Cực Lạc coi như minh tâm kiến tánh rồi, vĩnh viễn sống trong một thế giới. Tràn đầy trí huệ và đức tướng, mãi cho đến khi đoạn được sạch sẽ. Tập khí vô thủy vô minh, một chút mảy may cũng không còn, lúc ấy cõi Thật Báo tự nhiên sẽ trở về đến Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang với cõi Thật Báo chẳng có gì khác biệt. Thường Tịch Quang là tự tánh ở vào trạng thái ẩn; còn cõi Thật Báo là tự tánh. Ở vào trạng thái hiện, tự tánh có sự ẩn hiện không đồng, nhưng nó không có sanh-diệt. Hiện không phải là sanh, mà ẩn lại chẳng phải là diệt. Ẩn hiện vô cùng hoạt bát, vô cùng tự tại; bên ngoài có cảm, nó liền hiện; cảm bên ngoài mất rồi thì nó liền ẩn. Cho nên, chứng đắc được địa vị Bồ Tát nơi cõi Thật Báo, nó tự nhiên sẽ hiện. Bồ Tát ở cõi Thật Báo tu hành đến khi viên mãn, thì cõi Thật Báo tự nhiên ẩn, nó không hiện nữa. Vì vậy, không hiện không thể nói nó “vô”, không thể nói nó “không”; hiện cũng không thể nói nó “có”. Hiện tướng này rất rõ ràng, thấu suốt, minh bạch, thấu đáo.

Sư phụ của Hiền công Lão hòa thượng nói với Ngài; khi Ngài “minh bạch rồi, cũng không được đi nói lung tung, không được phép”. Vì sao? Vì người khác nghe không hiểu, sẽ nói Ngài kiếm chuyện sinh sự. Phàm là thị hiện, phàm những gì nói ra, nhất định đối phương phải có thể nghe hiểu. Bạn nói mới không thành công cốc, còn người ta được thọ dụng([[5]](#footnote-5)). Đối phương nghe không hiểu, thì đừng nói. Vì sao? Vì sẽ khiến người ta báng Phật. Những thứ bạn nói, người ta chưa thấy; những gì bạn chứng được, người ta không thể hội được; họ sẽ hủy báng, tương lai khiến họ đọa vào Địa ngục Vô Gián. Ai đem họ đẩy vào Địa ngục Vô Gián vậy? Bạn phải gánh lấy cái trách nhiệm nhân quả đó. Chỉ được nói với hạng người nào? Đối với người kiến tánh có thể nói, không thể nói với người chưa kiến tánh. Hay nói cách khác, những vị Bồ Tát kiến tánh này, các ngài sẽ không nói với người Tam thừa; không thể nói với Thanh Văn, Duyên Giác; không thể nói với chúng sanh Sáu nẻo. Chúng ta từ chỗ này, phải làm cho rõ ràng, sáng tỏ vấn đề.

Phần sau bảo: “**Ma kiến võng** (lưới kiến hoặc của ma)”, “võng” là ví dụ, “***là tà kiến bời bời đan rối vào nhau khiến người khó thoát ly, giống như lưới rập nên gọi là tà kiến võng*** (lưới tà kiến)”. Cái lưới này rộng thế nào vậy? Sáu nẻo luân hồi chính là nằm trong cái lưới tà kiến này. Nếu thoát khỏi cái lưới tà kiến này, đồng nghĩa bạn siêu việt Sáu nẻo luân hồi. Nếu chứng đắc quả A La Hán, thì coi như đã đoạn được kiến tư phiền não. Thoát khỏi Sáu nẻo luân hồi, định công của A La Hán, trí huệ, thần thông, đức năng của A La Hán. Có năng lực “***liệt ma kiến võng, giải chư triền-phược***”, thoát khỏi Sáu nẻo luân hồi. Nhưng bên trên vẫn còn một loại ma kiến võng, một tầng ma kiến võng cao cấp hơn nữa. Đó là gì? Đó là do vô minh tạo thành cái lưới A La Hán phá được, là do kiến tư phiền não tạo thành. Sáu nẻo thật sự khổ không kể xiết! Địa ngục nơi Tam ác đạo, một khi đọa vào rồi, dường như không có cơ hội có ngày ngoi đầu lên. Đáng sợ biết bao! Thoát khỏi Sáu nẻo luân hồi thì đến Thập Pháp giới. Tuy nhiên, họ vẫn còn triền-phược, nhưng nhẹ thôi không đến nỗi nghiêm trọng. Cho nên, Tứ Thánh Pháp Giới là cõi Phương Tiện của Phật, là Tịnh độ của Phật. Sáu nẻo là cõi Uế độ của Phật, sinh sống trong đó cảm nhận, hoàn toàn khác. Trong Tứ Thánh Pháp Giới, không có hiện tượng luân hồi, nhưng vẫn có sinh diệt, chỉ là không còn luân hồi.

Phần sau, Niệm lão dẫn dụng hai câu trong kinh Hoa Nghiêm: “***Ngã mạn tưới tắm, lưới kiến tăng trưởng***”. Lưới kiến tăng trưởng không tốt, lưới kiến tăng trưởng chính là Sáu nẻo một cách kiên cố. Lưới kiến tăng trưởng bằng cách nào? Là nhờ ngạo mạn, đố kỵ với hoài nghi, đây là cái gốc của phiền não. Ngã mạn là cái gốc của sân hận; ngã ái là gốc của tham dục; hoài nghi là gốc của ngu si, chính là tham-sân-si. Ba thứ này chúng ta có hay không? Có ngã mạn, chính mình ngã mạn nhưng không hay biết. Có đố kỵ không? Có hoài nghi không? Có ba thứ này, ba thứ này. Ngày ngày đều đang giúp chúng ta tăng trưởng lưới kiến, cái kiến này càng ngày càng phức tạp. Kiến võng của người hiện nay so với người của 60 năm trước, tăng trưởng không chỉ gấp 100 lần; chúng ta có thể nói là gấp ngàn lần đến vạn lần. Lời này là thật, một chút cũng không quá. Biên độ dàn trải của tập khí phiền não trong vòng nửa thế kỷ qua, chính mắt bạn cũng nhìn thấy rồi đó, không cần nói chi đâu xa. Quảng cáo tăng bao nhiêu lần so với 60 năm trước? 60 năm trước, quảng cáo không nhiều, hình như chẳng có ai. Ra đường dán quảng cáo lên tường cả, bây giờ thì đâu đâu cũng thấy dán nhan nhản; ngay cả trên xe cũng đều là quảng cáo, xe buýt cũng toàn quảng cáo. Chuyện này không hề có vào 60 năm trước, trong xe buýt là sạch sẽ, trống trơn. Truyền thông, báo chí, tạp chí, báo chí vào 60 năm trước chỉ có một tờ, cao lắm là hai tờ; bây giờ thì tới mấy chục tờ. Tăng lên biết bao nhiêu lần? Hiện giờ mỗi ngày đưa báo cho bạn xem mấy chục tờ, mỗi tờ đều to như thế này. Tin tức trong đó còn nhiều hơn cả một quyển sách nữa. Một ngày một xấp như thế, rồi cộng thêm nào là phát thanh, truyền hình, mạng internet, điện thoại. Tôi nói một ngàn lần, một vạn lần, tuyệt đối không hề quá lời. Cái này con người có thể tiếp nhận nổi sao!?

Người của xã hội thời nay cứ như uống rượu vậy, mơ mơ hồ hồ, ù ù cạc cạc; đi đường cứ lảo đảo siêu vẹo, không vững; đứng không vững mà nằm ngồi cũng chẳng yên. Nói tóm lại, đây chính gọi là lười kiến ma, lưới tà kiến. Hai câu này trong kinh Hoa Nghiêm nói rất hay, do được ngã mạn tưới tắm nên biên độ phiền não ngày càng tăng trưởng. Phần sau của phiền não là **tập khí**, làm cách nào đoạn được? Hiện nay bất kỳ một loại kinh nào, đều không khởi được tác dụng. Bất kỳ tôn giáo nào, đều không thể thấy được hiệu quả. Do nguyên nhân gì? Chính vì tám chữ này. Người nào có thể buông bỏ được ngã mạn? Ngã mạn buông rồi thì trông ra làm sao? Sẽ cung kính, khiêm hư. Người hiện nay họ nghĩ có cần phải cung kính khiêm hư không? Không cần. Mấy cái này chẳng có triển vọng gì, phải đào thải nó đi, cho rằng ngạo mạn là đúng. Xét từ lý niệm, từ kiến giải của con người này, coi như đã hư từ trong gốc rồi. Giáo học thời xưa, là từ gốc mà đối bệnh cho thuốc. Bắt đầu làm từ ai? Từ chính mình mà làm. Bản thân mình không lo dạy dỗ cho tốt, làm sao có thể dạy được người khác. Mình dạy mình tốt rồi, thì bản thân mình chính là tấm gương của kẻ khác. Trong một gia đình thì bậc trưởng bối phải dẫn đầu, người lớn mà đứng đắn thì cả nhà đều nghiêm chỉnh. Dùng luân lý, đạo đức, nhân quả để khống chế “tham, sân, si, mạn, nghi” của chúng ta. Dẫu cho có đi chăng nữa cũng không thể để nó bành trướng ra thêm. Trong “lễ ký” có nói “***ngạo mạn không thể tăng***”. Đây chính là nói khắc chế nó, không thể để nó tăng trưởng.

Phần sau có dẫn dụng trong quyển mười một của Trí Độ Luận “Đại Trí Độ Luận”, có đến 100 quyển. Trong đó có hai câu nói, rất đáng để chúng ta cảnh giác dè chừng: “**Vào trong lưới tà kiến, phiền não phá chánh trí**”, *lưới kiến ma* chính là lưới tà kiến. Có niệm là không được, ai mà không có ý niệm chứ? Niệm có chánh có tà. Người hiện nay, tà niệm nhiều, chánh niệm ít. Quả thật có người toàn là tà niệm, chẳng có lấy một cái chánh nệm nào, thật có người như vậy. Thì thế giới ngày nay làm sao mà chống đỡ nổi! Mọi người đều khẳng định, cho rằng tà niệm là thứ nên có; làm người thì phải nên có mấy cái đó. Còn chánh niệm thì sao? Thì đẩy cho người xưa. Cái đó đã lạc hậu cổ hủ rồi, đó là thuộc về thời đại phong kiến thuở trước. Cái đó là do mấy vị hoàng đế chuyên chế, dùng những phương thức đó để củng cố cho địa vị của mình, để hạn chế, bó buộc tư tưởng của kẻ khác. Muốn khống chế tư tưởng của mọi người, dùng cách này để giải thích, cho rằng tà niệm là tự do, là phóng khoáng mở cửa. Đây là chuyện đúng đắn. Loại tri kiến này điên đảo rồi, chánh tà điên đảo rồi; lấy “chánh” xem thành “tà”, cho “tà” thành “chánh”. Thế giới này, cựu Thủ tướng của Malaysia, ông Mahathir hết sức thông minh; ông là người có trí huệ, có đức hạnh. Tôi rất khâm phục ông, ngay cả ông cũng hỏi tôi: “*Thế giới này liệu có còn hòa bình không?*”, huống hồ là người có trí huệ, đức hạnh không bằng ông thì quá nhiều, quá nhiều. Trong câu nói này, ý nghĩa sâu xa hơn, hàm chứa trong đó chính là đã đánh mất đi lòng tự tin. Thử hỏi người Trung Quốc xem, Trung Quốc còn có thể phục hưng trở lại không? Những lời mà tiến sĩ Thang Ân Tỉ đã nói có người nào tin không? Vì sao sách của ông không bán được? Vì chẳng ai chịu tin. Chúng tôi mang quyển sách này từ Nhật Bản về, hôm qua tôi xem kỹ lại một chút. Một quyển theo giá tiền Nhật là 400 yên, có 400 đồng bạc. Các vị phải nhớ nó được in vào năm nào? Là vào năm 1978, hơn 30 năm về trước; chưa được tái bản lần hai, chỉ in đúng một lần. Thông thường khi in sách, chúng tôi biết đại khái là in một ngàn quyển, bản này không có tái bản lần hai. Chuyện này quả rất khó được, cái này là được Tam Bảo gia trì, lưu lại một quyển cho tôi xem. Điều này nói lên cái gì? Chứng minh một vấn đề nghiêm trọng, chính là lòng tự tin đã không còn. Không còn niềm tin vào những điều tốt đẹp, nhưng lại có niềm tin vào sự động loạn.

Nếu bạn hỏi họ, thế giới này liệu có xảy ra đại thảm họa không? Cái này thì họ có lòng tin. Thảm họa lớn nhất chính là chiến tranh hạt nhân. Chiến tranh hạt nhân theo như lời Thang Ân Tỉ nói, đó là loài người tự sát tập thể, đây là điều đáng sợ nhất. Vào những năm cuối đời, từ 80 tuổi trở đi, ông 85 tuổi thì qua đời. Trong năm năm này, ngày ngày ông đều nghĩ làm cách nào để có thể tránh khỏi cái tai nạn này, không để cho cái thảm họa này có cơ hội phát sinh. Ông luôn nghĩ về điều này, thế là nghĩ ra một quốc gia thế giới. Động cơ để nảy ra ý nghĩ này là từ thời Xuân thu Chiến quốc của Trung Quốc, đến đời Tần, Hán thì thống nhất. Ông nhìn thấy giai đoạn lịch sử này, tình hình trái đất sau chiến thanh thế giới lần hai hiện nay, vô cùng giống với thời kỳ Xuân thu Chiến quốc của Trung Quốc. Thống nhất vào thời kỳ đó, về mặt hình thức mà nói chính là dùng vũ lực để thống nhất. Nhưng cốt tủy trong đó là văn hóa, ông nói rất hay. Trung Quốc kể từ sau khi được thống nhất, thật sự thống nhất rồi. Hơn 800 nước chư hầu trở thành một nước lớn, người Trung Quốc nói là thiên hạ; tức là chỉ cho thống nhất các dân tộc của cái nước đó. Bởi vì mỗi một quốc gia vào thuở xưa, mỗi một quốc gia, nước lớn thì có chu vi 100 dặm. Nước nhỏ thì chỉ vào khoảng 30, 50 dặm, nước nào nước nấy đều có chủ quyền lãnh thổ. Cho nên có quá nhiều nước chung sống với nhau, như thế rất dễ nổ ra chiến tranh.

Thời kỳ Xuân thu Chiến quốc, loạn lạc kéo dài 500 năm. Đến cuộc thống nhất sau cùng này, thì thảm họa này mới được chấm dứt hẳn; nhân dân mới dần khôi phục trở lại, xã hội được an định như đời nhà Chu vào những thuở đầu vậy. Đến sau khi Tần, Hán thống nhất, không còn các nước chư hầu; là sự thống nhất dưới sự lãnh đạo, giáo hóa của chính phủ. Hán Vũ Đế nghe lời kiến nghị của Đổng Trọng Thư, dùng học thuyết Khổng Mạnh để làm đường lối cho chính trị. Đến đời Hán Minh Đế trở về sau, khi Phật giáo du nhập vào Trung Quốc, Đế vương Trung Quốc bắt đầu sử dụng Nho để trị nước; dùng Phật để giáo hóa chúng sanh; dùng Đạo để bái tế tổ tiên. Những thứ này về sau dần dần hình thành nên một loại chế độ. Tuy có thay triều đổi vị, nhưng toàn bộ quy chế này không hề thay đổi. Nho trị quốc, Phật dạy dân, Đạo bái tế thiên địa quỷ thần. Trong sách cổ nói về quỷ thần đều là chỉ cho tổ tông, những thứ này đã cắm gốc ở Trung Quốc. Bất kể là triều đại nào, bất kể ai làm hoàng đế đều là dùng những cái này. Chỉ đến sau khi mãn thanh mất nước, dân quốc được thành lập thì không còn sử dụng nữa. Không dùng, xã hội chúng ta liền loạn rồi.

100 năm qua, ngay cả người giảng cũng không có. Người Trung Quốc cảm thấy vô cùng xa lạ đối với những thứ này, nhưng tiến sĩ Thang Ân Tỉ lại biết rất rõ. Cả đời ông chuyên nghiên cứu cái này. Ông cho rằng, bộ ba Nho-Thích-Đạo là những thứ tốt đẹp, đây là tinh tủy của văn hóa truyền thống Trung Quốc. Nho-Thích-Đạo là một nhà. Mỗi người đọc sách, người đọc sách, phần tử tri thức đi học có tương lai gì? Đó là quốc gia sẽ cần “anh”. Quốc gia cần đến cán bộ các cấp, những cán bộ này đều là người học thức, học tập học được rất tốt. Quốc gia tổ chức thi cử, thi đỗ rồi. Sau khi đỗ đạt, quốc gia sẽ phân công việc cho bạn; hoặc là gửi bạn đến trường; ngôi trường đó là do quốc gia thiết lập. Quốc gia thiết lập ra để bồi dưỡng nhân viên cán bộ, vì đại chúng xã hội mà phục vụ; còn bạn thì được quốc gia trả lương. Đây chính là ngày nay hay nói là tất cả nhân viên các cấp chính phủ. Thời xưa, ai nấy đều yêu thích đọc sách, thích làm quan, vì sao? Vì trong các ngành nghề, người Trung Quốc hay nói là 360; nghề 360 đại biểu cho sự viên mãn trọn vẹn, đầy đủ các ngành các nghề, đảm trách công việc của chính phủ là công việc nhàn nhã nhất. Đã vậy, lại được đãi ngộ rất tốt, có thể nuôi dưỡng gia đình. Địa vị rất cao, nhân dân mà thấy bạn thì đều tôn kính. Bạn là quan viên chính phủ, là viên chức nhưng lượng công việc ít. Vì sao? Vì mọi người đều được gia đình dạy dỗ tốt hết rồi.

Thời xưa, giáo dục do gia đình đảm trách. Trong nhà, sứ mạng quan trọng nhất. Một cái là giáo dục, một cái là dưỡng lão, hai việc lớn của đời người đều do gia đình gánh vác. Gia đình ở Trung Quốc là gia đình lớn, không phải kiểu gia đình nhỏ, không có phân nhà. Bất kỳ ai chẳng luận là đảm đương ngành nghề nào, tất cả tiền bạn kiếm được. Ngoại trừ chi phí sinh hoạt mà bản thân cần dùng ra, số còn lại thảy đều phải gửi về nhà. Cho nên “nhà”, cái nhà này…nó có sản nghiệp. Gia đình cầm số tiền này làm cái gì? Là mua đất. Đất có thể trồng trọt canh tác, có thể gây rừng, có thể làm rất nhiều việc. Vì vậy, kinh tế gia đình của họ tốt. Anh ở bên ngoài bất luận làm chuyện gì; nếu như thiếu tiền, gia đình sẽ cho anh không có người phụ giúp, gia đình sẽ cử người đến giúp anh. Gia đình là hậu thuẫn vững chắc nhất của bạn, bạn không cần đi cầu người khác vì đã có gia đình hỗ trợ. Hỗ trợ lẫn nhau, bạn hỗ trợ gia đình, gia đình lại hỗ trợ cho bạn, cái chế độ này tốt. Đến thời kỳ kháng chiến, kiểu gia đình này ở Trung Quốc vẫn còn kiểu gia đình ngũ đại đồng đường, không phân nhà nhưng không nhiều, tôi có thấy qua. Sau khi kháng chiến thắng lợi thì không còn nữa, một nhà cũng không còn. Trong thời kỳ kháng chiến, mọi người phải đi chạy nạn; gia đình đó cũng giải tán hết, mỗi người ai nấy tự lo kế mưu sinh cho riêng mình, rất ít chăm sóc cho nhau.

Bây giờ thì học theo người nước ngoài, không còn giúp đỡ lẫn nhau nữa. Con cái không đoái hoài đến cha mẹ, cha mẹ cũng chẳng lo cho con cái, anh em thì càng khỏi phải nói. Xã hội mới bây giờ, không có tiền thì đến vay ngân hàng. Trước kia không có tiền thì gia đình giúp đỡ, gia đình chi viện cho bạn. Cho nên, chúng tôi quả thật rất hoài niệm về lối gia đình xưa của Trung Quốc. Tuy cũng có những tệ đoan, nhưng các mối tệ ít mà ích lợi lại nhiều; còn kiểu gia đình nhỏ hiện nay thì tự do thoải mái rồi; mở cửa tự do nhưng giáo dục lại là cả vấn đề, mà dưỡng lão cũng là cả vấn đề. Đến sau khi về hưu thì khổ khỏi phải nói, biết bao nhiêu người có chút tiền hưu đều bị người ta gạt mất. Hết cách, đành phải dựa vào sự cứu tế của xã hội. Bạn nói xem, có khổ không chứ! Ngoài ra, có tiền hưu thì bản thân lại không biết kinh doanh, để ở trong ngân hàng thì bị mất giá. Đây đều là cái chỗ bi ai của người già, thế thì họ làm sao mà còn niềm tin cho được! Hôm nay, ai còn niềm tin vào gia đình? Ai còn niềm tin vào xã hội? Ai còn niềm tin vào quốc gia? Tháng ngày trôi qua chẳng thoái mái gì! Những cái này trong Phật pháp đều gọi là ma kiến, toàn bộ xã hội là một cái lưới ma kiến.

Trí Độ Luận nói rất hay: “**Hữu niệm đọa lưới ma, vô niệm thì thoát được**”. Cái này là nói dành cho người tu hành, đặc biệt là đối với đệ tử Phật môn. *Vô niệm* thì người đó liền kiến tánh, *hữu niệm* chính là ý niệm làm chướng ngại tự tánh của bạn. Chướng ngại trí huệ, chướng ngại đức năng của bạn. Mọi thứ trong tự tánh thảy đều không thể khởi tác dụng, không hiển bày ra được. Vô niệm không hề dễ, có tôn giáo chuyên tu vô niệm, thật sự là vô niệm. Phật có nói, thực ra họ vẫn là có niệm, họ có cái niệm gì? Họ có cái niệm vô niệm, đây vẫn thuộc về tà niệm. Cho nên, bạn hữu niệm thì là tà kiến, có vô niệm cũng vẫn là tà kiến. Làm thế nào mới thật sự thoát ra được? Hữu niệm, vô niệm đều không để trong tâm, thế thì đúng rồi. Trên thực tế mà nói, chuyện này vô cùng khó khăn, Tịnh tông thì tiện lợi hơn nhiều. Tịnh độ tông cho phép bạn có một ý niệm, là ý niệm “A Di Đà Phật”. Bạn đem tất cả ý niệm của bạn cột chặt vào A Di Đà Phật, vào một mình câu Phật hiệu này. Ngoại trừ Phật hiệu này ra, bất kỳ ý niệm nào khác đều không có, thế thì đúng rồi. Vì sao? Vì bạn quyết định vãng sanh Tịnh độ, sanh đến Tây Phương Thế Giới Cực Lạc; hữu niệm, vô niệm đều không có. Thế Giới Cực Lạc là trạm trung chuyển trên con đường tu hành, cái trạm này sẽ khiến chúng ta có được sự bảo đảm trong việc chứng đắc vô niệm. Chín ngàn năm thời kỳ mạt pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật sau này, dựa vào pháp môn nào để được đắc độ? Chính là pháp môn này. Ngoại trừ pháp môn này ra, không còn pháp môn nào khác. Các tông phái khác cũng có, nhưng đều biến thành học thuật. Đại học Phật giáo ngày nay có thể làm được không? Được, nhưng có thể tu hành chứng quả không? Không thể, toàn là biến thành học thuật, biến thành triết học. Được! Trong số đó sẽ có một số ít người sẽ từ đó mà quay đầu, tôi cũng là một trong số đó.

Tôi học Phật chính là muốn nghiên cứu kinh giáo Đại thừa, học Hoa Nghiêm, học Lăng Nghiêm, học Pháp Hoa, học Bát Nhã, tôi học những Đại kinh Đại luận này. Nhưng về sau mới phát hiện, để đoạn phiền não, chứng Bồ đề là chuyện thật khó khăn. Bản thân tôi suy nghĩ, biết mình không có cái khả năng ấy, đoạn không dứt nổi. Vậy phải làm sao? Pháp sư Sám Vân giới thiệu Tịnh độ cho tôi, Lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam cũng giới thiệu Tịnh độ cho tôi. Tôi theo Lão sư Lý cả một khoảng thời gian dài, đến những mười năm. Thầy biết bao lần giới thiệu Tịnh độ cho tôi, phải có đến hơn mười lần, đến sau cùng tôi cũng tin rồi. Lúc còn trẻ giới thiệu cho tôi nhưng tôi không có chú ý đến, không để tâm. Đến khi tuổi tác lớn rồi, mới sâu sắc cảm nhận được, môn này tốt thật. Năm kinh Tịnh độ, tôi đều giảng qua, trong đó kinh A Di Đà với kinh Vô Lượng Thọ là giảng nhiều nhất. Kinh Vô Lượng Thọ giảng mười mấy lần, kinh A Di Đà cũng giảng không ít; Quán kinh thì giảng qua một lần. Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm và Đại Thế Chí Viên Thông Chương cũng giảng qua một, hai lần. Chân thật minh bạch giác ngộ rồi! Đây chính là nơi trở về của chúng ta, pháp môn này là con đường chúng ta phải đi. Đặc biệt là có duyên gặp được Bổn hội tập của cụ Hạ Liên, cái bổn này là Lão sư Lý trao cho tôi. Lúc đó ở Đài Loan, từ Đại lục truyền đến Đài Loan, Lão pháp sư Luật Hàng-Ngài đến Đài Loan mang theo mấy quyển. Ngài cũng là học trò của cụ Hạ Liên, ở Đại lục học Phật với Lão cư sĩ Hạ Liên Cư; chắc có lẽ nghe Hạ Liên lão giảng qua bộ kinh này. Lão sư Lý sau khi nhìn thấy bộ kinh này, ở Đài Loan cho in ra một ngàn quyển. Sau đó lại cho sắp chữ in lại một ngàn quyển nữa. Đại khái ở Đài Loan vào thuở đó, lúc Lão sư Lý vẫn còn sống, Liên xã Đài Trung trước sau đại khái đã in khoảng ba ngàn quyển; tôi ở Đài Bắc cũng in một ngàn quyển. Lúc đầu vẫn chưa nhìn thấy Chú giải của cụ Hoàng Niệm, thầy Lý giảng kinh là giảng bằng cái bản này. Thầy ở ngay bổn kinh này có viết Chú giải, gọi là mi chú. Những điều thầy viết tôi đều hiểu, tôi theo thầy mười năm, tôi rất hiểu thầy. Cho nên, tôi đã giảng qua mười lần, là y theo mi chú của Lão sư Lý mà giảng. Sau này thấy được Chú giải của Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, tôi đã y theo Chú giải của Ngài giảng qua hai, ba lần. Chính là tham khảo cái bản Chú giải của Ngài, thật sự hoàn toàn chỉ giảng mỗi Chú giải. Thâm nhập rồi, hoàn toàn thâm nhập vào bộ kinh này là chuyện của bốn năm trước, lần giảng này của chúng ta là lần thứ tư.

Tôi thấy mình tuổi tác lớn rồi, tôi 85 tuổi rồi, thời gian không còn nhiều nên mọi kinh giáo tôi đều buông xả. Chuyên đọc bộ kinh này, chuyên giảng kinh này; một lòng niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, thật sự cái gì cũng buông hết rồi! Tôi vô cùng cảm kích Chương Gia Đại sư; lần đầu gặp mặt liền dạy tôi nhìn thấu, buông xả. Tôi thật sự hiểu rồi, nhìn thấu, liễu giải được chân tướng sự thật. Chân tướng toàn là giả, toàn là “không”; không một thứ nào là thật, phải nên buông bỏ. Buông xả giúp chúng ta càng thâm nhập thêm một tầng của nhìn thấu. Đại sư nói với tôi, từ sơ phát tâm cho đến thành Phật, chính là hai phương pháp này hỗ trợ cho nhau. Không ngừng buông xả, đến Đẳng Giác Bồ Tát vẫn phải buông bỏ một phẩm, tập khí sanh tướng vô minh sau cùng, mới có thể trở về Thường Tịch Quang. Trở về Thường Tịch Quang mới chân thật là cứu cánh viên mãn. Kinh Hoa Nghiêm xưng là Diệu Giác Như Lai, Thường Tịch Quang là Pháp thân. Từ pháp thân hiện báo thân, hiện ứng thân, hiện hóa thân có thể hiện vô lượng vô biên. Không chỉ đơn thuần là hiện vô lượng vô biên chúng sanh Sáu nẻo, có thể hiện báo thân; có duyên với Phật, có duyên với báo thân Phật, có duyên với 41 vị Đại sĩ, bạn liền sanh về cõi Thật Báo. Ở cõi Thật Báo tu hành, cái này thì không những đã đoạn được kiến tư phiền não, mà trần sa phiền não cũng đã đoạn rồi; cũng đoạn được vô minh phiền não, đắc đại tự tại. Bồ Tát ở cõi Thật Báo, trí huệ, thần thông, đạo lực của các ngài gần như là ngang bằng với Pháp thân Như Lai. Chỉ có mỗi một điểm là chưa đoạn sạch được tập khí vô minh; nên Thường Tịch Quang không thể hiện tiền, các ngài không cách gì dung nhập vào Thường Tịch Quang. Đến khi một phẩm tập khí vô mình thật sự không còn, thì tự nhiên sẽ trở về với Thường Tịch Quang, không còn thấy cõi Thật Báo nữa. Vì vậy, trong kinh Bát Nhã có nói: “**Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng**”, bao gồm cả cõi Thật Báo.

Chúng ta xem tiếp một câu sau cùng, lời này là do Niệm lão nói: “**Cho thấy: Khởi tâm động niệm đều đọa lưới ma**”. Khởi tâm động niệm, chúng sanh Sáu nẻo người người đều có, nhưng không hề hay biết. Khởi tâm động niệm là căn bản vô minh, là phiền não vô minh. Không khởi tâm không động niệm liền thành Phật. Người thế nào mới không khởi tâm không động niệm? Địa vị dưới cùng nhất, thấp nhất là Thập trụ Bồ Tát ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Hay nói cách khác, lấy cái này làm tiêu chuẩn. Thập Pháp giới là lưới ma, Sáu nẻo luân hồi là lưới ma trong lưới ma; Thập Pháp giới là một tấm lưới ma lớn, còn Lục đạo luân hồi là một tấm lưới ma nhỏ nằm trong đó. Vô cùng nghiêm trọng!

Phần sau là dạy chúng ta phương pháp thoát ra: “**Chỉ có tịnh niệm nối tiếp, vô niệm mà niệm mới xuất ly được**”, đây là nói xuyên suốt hết rồi. Nhất định phải làm được đến trình độ này, bạn mới có thể siêu việt. Trong Pháp môn Tịnh độ, bạn có thể siêu việt, vãng sanh đến Thế Giới Cực Lạc. Không niệm mà niệm là lý nhất tâm bất loạn, đây là công phu cao nhất trong Pháp môn niệm Phật. Nếu chỉ để vãng sanh thì không cần công phu cao đến như vậy, chỉ cần công phu thành phiến. Công phu thành phiến là hữu niệm mà niệm, chứ không phải vô niệm mà niệm, thế là đã có thể vãng sanh. Trong tâm ta chỉ có một câu A Di Đà Phật. Ngoại trừ A Di Đà Phật ra, không có những ý niệm khác. Cái vô niệm này là vô tạp niệm, vô vọng tưởng. Giải thích như vậy không phải thật là vô niệm. Vô niệm mà niệm, niệm mà vô niệm, đó là công phu đỉnh cao của Pháp môn niệm Phật, là lý nhất tâm bất loạn. Cảnh giới này là đồng cấp, với đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh của Thiền tông, là bình đẳng cảnh giới. Chúng ta không đi con đường này, thì chẳng còn con đường nào khác có thể đi được.

Chẳng luận là người thế nào, thuyết phương pháp gì xảo diệu đến đâu chăng nữa, cũng là giả, chẳng phải thật. Nhất định chẳng được tin, phải học theo Hải Hiền Lão hòa thượng, Ngài thật buông xả rồi. Làm sao biết được điều đó? Vì với Ngài cái gì cũng tốt, cái gì cũng hoan hỷ. Ngài không có phân biệt, không có chấp trước. Từ những chỗ này mà quan sát cho thật tỉ mỉ, Ngài không còn vọng tưởng. Tạp niệm cũng không còn, thảy đều buông bỏ hết rồi. Ngài chỉ có một câu Phật hiệu, một câu Phật hiệu niệm niệm không gián đoạn. Lúc làm việc cũng không gián đoạn, mà sinh hoạt trong cuộc sống thường ngày cũng không gián đoạn, mặc áo ăn cơm không gián đoạn, đây gọi là công phu thành phiến. Thông thường đến lúc nào mới có thể làm được chuyện này? Chúng ta từ trong bộ Vãng Sanh Truyện nhìn thấy, từ trong Tịnh Độ Thánh hiền Lục nhìn thấy, đại đa số đều là ba năm là làm đến được. Người có loại công phu này, tôi thường nói đây chính là cảm. Công phu của chúng ta đạt đến cảnh giới này là cảm.

Người thế nào sẽ ứng? A Di Đà Phật sẽ đến ứng. A Di Đà Phật hoặc là chúng ta ở trong định, hoặc là chúng ta ở trong mộng nhìn thấy Phật. Khác với những giấc mộng bình thường, giấc mộng bình thường thì ấn tượng không có sâu. Sau khi tỉnh lại, thường là chẳng nhớ được gì. Nhưng giấc mộng này lại hết sức rõ ràng, giống như mình đang tỉnh vậy, bạn có loại cảm giác này. A Di Đà Phật sẽ đến an ủi bạn, nói với bạn: “*Con tu hành rất khá; thọ mạng của con vẫn còn bao nhiêu năm; đợi đến khi con mạng chung, ta sẽ đến tiếp dẫn con vãng sanh*”. Thế thì với chúng ta mà nói, sẽ khiến cho tín tâm chúng ta tăng trưởng thêm. Nguyện tâm lớn mạnh thêm, đồng nghĩa mà nói, chúng ta đã có nơi ăn chốn ở ở nơi của A Di Đà Phật rồi. Chúng ta có báo danh, có tên rồi, mai này nhất định vãng sanh. Nếu như vào lúc này, cầu A Di Đà Phật mang chúng ta vãng sanh, thọ mạng này chúng ta không cần. Loại người này rất nhiều, chứ không phải là ít, họ liền vãng sanh. Cho nên, niệm Phật ba năm là vãng sanh rồi.

Có người không cầu A Di Đà Phật đưa họ vãng sanh, lại tiếp tục nỗ lực, tăng cường dụng công. Dăm ba năm, họ liền nâng lên đến sự nhất tâm bất loạn; lại có thêm năm ba năm nữa, họ nâng đến lý nhất tâm bất loạn. Việc này tốt! Chuyện này chính là Cổ đại đức có nói, trong kinh cũng từng nói, tu một ngày ở cõi Ta Bà bằng tu 100 năm ở Thế Giới Cực Lạc. Vì sao? Vì Thế Giới Cực Lạc không có khổ, không có người khảo nghiệm bạn; còn cõi này sức mê hoặc quá lớn. Bạn có thể như như bất động, thế thì công phu còn đến cỡ nào chứ! Cái ý chính là ở chỗ này. Cũng tức là nói, chúng ta ở thế giới này, sau khi đạt đến công phu thành phiến, dùng thời gian mười năm có thể đạt đến minh tâm kiến tánh. Đạt đến lý nhất tâm bất loạn, vãng sanh là sanh đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Không có sự gia trì của A Di Đà Phật, cũng vẫn sanh vào cõi Thật Báo. Huống hồ lại được sự gia trì của A Di Đà Phật, tự lực, Phật lực đều đạt đến cấp bậc này. Tốt! Bảo đảm chúng ta nhất định vãng sanh. Sanh đến Tây Phương Thế Giới Cực Lạc chính là Pháp thân Đại sĩ, vẫn được A Di Đà Phật gia trì. Bạn nói xem, trí huệ, thần thông, đạo lực, thật sự là gần như ngang bằng với Phật.

Chúng ta phải biết tranh thủ, biết tranh thủ tức là phải buông xả vạn duyên. Ở cõi này, những điều bất thiện tuyệt đối không được làm. Không những không được làm, cũng không được nghĩ đến nó. Chúng ta phải tu thiện tâm, thiện niệm, thiện ngôn, thiện hành. Tiêu chuẩn của thiện, chúng ta có năm khóa mục chính là Tịnh nghiệp Tam phước, Lục hòa kính, Tam học, Lục độ, Phổ Hiền mười nguyện. Tương ưng với những cái này chính là *thiện*, trái ngược với những cái này chính là *bất thiện*. Năm khóa mục này phải ghi nhớ lấy, phải biết cho thật rõ. Khởi tâm động niệm đều đối chiếu với những điều trên một chút. Đoạn ác nhưng trong tâm không có ý niệm đoạn ác, chỉ có A Di Đà Phật. Tu thiện cũng không có ý niệm thiện, cũng vẫn là A Di Đà Phật. Thế thì đúng rồi, phải chuyên tu tịnh nghiệp, không chướng ngại “đoạn ác-tu thiện”. Nếu như “đoạn ác-tu thiện”, có khởi tâm động niệm, thế thì không ổn rồi. Không khởi tâm, không động niệm, mọi thứ tùy duyên. Có duyên thì hoan hỷ vui vẻ đi làm, mới xem là chân thật hiểu cách tu là phải tu như thế nào. Như lý như pháp thế thì tốt, để đời này của chúng ta nhất định vãng sanh Tịnh độ, thoát khỏi Sáu nẻo luân hồi, thoát khỏi Thập Pháp giới.

Câu đằng sau là: “**Giải chư triền-phược** (cởi các triền-phược)”. *Triền* là vấn vít, giống như sợi dây thừng vậy. Từ vòng, từng vòng siết bạn lại, trói buộc bạn vào trong đó. “**Phược là trói buộc**”, triền-phược tức là sự buộc ràng. “**Theo Đại sư Cảnh Hưng, triền-phược chính là tám triền ba phược**” (các vị khác đa số cho rằng có mười triền, bốn phược. Ở đây, tôi theo thuyết của sư Cảnh Hưng). Trong tài liệu tham khảo của chúng ta đều có, những thứ này rất phiền phức, rất quan trọng. Nhất định phải giảng cho rõ ràng, giảng cho minh bạch. Tám triền là vô tàm, vô quý, tàm quý- người Trung Quốc chúng ta hay nói là liêm sỉ. *Tàm* chính là chúng ta thông thường hay bảo là, con người này là người có lương tâm. Họ làm chuyện gì bất thiện, họ biết, tâm họ liền bất an. Đây gọi là tàm, thế *vô tàm* là sao? Là dẫu làm chuyện tệ hại thế nào, họ cũng chẳng cảm thấy bản thân mình đã làm sai, không cảm thấy lương tâm cắn rứt. Chúng ta thông thường hay nói, là loại người này là người không có lương tâm, lương tâm bị che phủ mất rồi. *Quý* là đối với dư luận bên ngoài, bản thân làm chuyện không tốt sợ người khác chỉ trích, sợ người khác phê bình. Đây gọi là “quý”. Làm bao nhiêu chuyện xấu; người khác phê bình, vậy mà còn cảm thấy rất vinh quang; đây chính là *vô quý*. Gây ra chuyện xấu, báo chí đăng lên rồi, họ còn cầm tờ báo đó đi khoe cho người khác xem. Bạn xem, báo chí hôm nay có đăng tôi lên nè! Họ còn cảm thấy khá là vui mừng nữa, đây chính là “vô tàm, vô quý”.

Chuyện tốt đẹp thì họ không chịu làm, chuyên làm chuyện xấu. Xã hội hiện thời có rất nhiều kiểu người thế này, thời xưa cũng có nhưng không nhiều. Vào thời kỳ kháng chiến, người của thời đó đều có cái tâm biết hổ thẹn, không muốn làm chuyện xấu. Kháng chiến là thời kỳ gian nan khổ sở; người dân địa phương đối với dân lưu vong như chúng tôi đều rất cảm thông, họ đều tự động đến giúp đỡ. Chúng tôi không có cái ăn thì họ gửi đồ ăn đến; không có cái mặc thì gửi quần áo đến; không có nơi ở, ở trong nhà, họ dành một góc nhỏ, cho chúng tôi lót chiếu mà nằm; để chúng tôi được yên ổn, xóa tan đi những nỗi mệt nhọc; để chúng tôi ngày mai lại tiếp tục lên đường. Bây giờ ít rồi, bây giờ gặp người khổ nạn, chẳng thấy ai dang tay giúp đỡ. Nếu bạn đi giúp người ta, người thân thuộc với bạn sẽ dạy dỗ bạn một phen. Anh giúp họ làm cái gì? Anh với người ta có quan hệ gì đâu, coi chừng bị người ta lừa gạt bây giờ! Quả thật là thời đại thay đổi rồi, trong vòng có nửa thế kỷ mà thay đổi quá lớn, không cách gì tưởng nổi.

Tiếp theo, thứ ba là “*đố kỵ*”; thứ tư là “*keo kiệt*”, bản thân có nhưng không chịu giúp người khác; thứ năm là “*làm việc ác*”. Bản thân mình rõ ràng biết cái đó là không tốt, nhưng vẫn cứ lao vào làm. Ngủ nghỉ…dành thời gian ngủ quá nhiều, ham ngủ, trạo cử…tâm không an. Tâm, hiện nay chúng ta hay nói là tâm khí bao chao, đó chính là trạo cử. Hôn trầm nghĩa là không đề khởi được tinh thần, mà ngủ thì ngủ cũng không ngon. Cho nên, tinh thần của họ không phấn chấn nổi.

“**Ba phược là tham, sân, si**”, đây là căn bản phiền não. Cốt lõi của tham, thứ nghiêm trọng nhất chính là tình chấp, ái dục; cốt lõi của sân hận là ngạo mạn, là đố kỵ; cốt lõi của ngu si là hoài nghi. Cho nên, rất khó đoạn được tư hoặc. Đoạn dứt rồi thì chứng đắc A La Hán. “***Tham, sân, si, mạn, nghi***”, Tịnh Ảnh Sớ viết, “***cũng có thể hiểu rằng các phiền não kết gọi chung là triền-phược***”, cũng có thể nói như vậy. Cho nên, tất cả phiền não kiết sử([[6]](#footnote-6)) đều có thể dùng hai chữ “triền-phược” này để đại biểu. “**Bồ Tát dạy người đoạn lìa chúng thì bảo là giải** (cởi gỡ)”, tháo gỡ những phiền não này, hóa giải những phiền não này. Hai câu trên chính là: “***Xé lưới kiến hoặc của ma, cỡi các triền-phược***”. Hai câu Kinh văn này, “***ý nói các Bồ Tát trong hội***” do “***thông chư Pháp tánh, đạt chúng sanh tướng; đầy đủ căn bản trí và sai biệt trí; nên có thể vì chúng sanh phá lưới ma kiến***”. Những chúng Bồ Tát trong hội, các ngài đã khai trí huệ rồi. Thông chư Pháp tánh là đắc căn bản trí, đạt chúng sanh tướng là đắc hậu đắc trí.

Thiện Tài Đồng Tử ở trong hội Hoa Nghiêm, vì chúng ta biểu diễn 53 tham. Ngài là đệ tử của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi. Ở trong hội của ngài Văn Thù mà thông các Pháp tánh, tức là minh tâm kiến tánh. Thông là thông đạt, thể tánh của hết thảy các pháp tức là kiến tánh, minh tâm kiến tánh rồi. Minh tâm kiến tánh, trong tự tánh vốn dĩ đầy đủ vô lượng trí huệ. Cái trí huệ vô lượng đó chính là đạt chúng sanh tướng, cũng là hậu đắc trí. Hậu đắc trí vô lượng vô biên; căn bản trí khởi tác dụng giúp cho chúng sanh thì gọi là hậu đắc trí. Cho nên, bất kỳ loại chúng sanh nào, các ngài đều có năng lực độ cho họ. Theo như trên, nếu cấp bậc ngang hàng với chính mình, chẳng hạn như nếu họ là Bồ Tát Sơ trụ, từ Sơ trụ trở lên thì độ không nổi; nhưng nếu dưới bậc Sơ trụ thì thảy đều độ được. Nếu họ là Bồ Tát Sơ địa, thì dưới Sơ địa thảy đều độ được, nhưng trên Sơ địa thì độ không được. Họ không cần phải học, chỉ cần nâng cao cảnh giới của chính mình. Bản năng của tự tánh tự nhiên lưu xuất ra, không cần phải học, đây là Phật pháp.

Phật pháp tu cái gì? Chính là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, đạt đến “giác” tức là minh tâm kiến tánh. Thanh tịnh là định, bình đẳng là định, đều là căn bản trí; giác là căn bản trí, còn hậu đắc trí là nằm ở trong giác. Tánh giác là căn bản trí, nó khởi tác dụng giúp cho hết thảy chúng sanh, đây là hậu đắc trí; biến hóa, hiện thân dạy học toàn là hậu đắc trí. Cho nên, các ngài minh tâm kiến tánh rồi. Các ngài biết tướng của tất cả chúng sanh, tướng này là thật tướng, là thật tướng các pháp. Các ngài thảy đều thông đạt thấu suốt, cho nên đầy đủ căn bản trí lẫn sai biệt trí. Vì vậy, có thể vì chúng sanh phá lưới ma kiến, “***khiến họ lìa bỏ tà nghiệp, có thể vì hữu tình giải trừ các triền-phược cho họ được thoát phiền não***”. Bồ Tát có cái bản lĩnh này, vì sao? Vì bản thân các ngài đã thành tựu rồi.

Bản thân mình nhất định phải thành tựu cái đã, rồi mới có thể giúp cho người khác thành tựu. Mình còn chưa thành tựu, thì không thể giúp cho kẻ khác. Bản thân họ, bạn thấy đó, trì giới, tu định, khai huệ; kiến tánh chính là khai huệ. Đối với hết thảy pháp là “***kỳ nghĩa tự kiến***”, tự kiến chính là khai ngộ. Vì thế họ có năng lực, có trí huệ, có thiện xảo phương tiện; giúp cho chúng sanh phá lưới ma kiến, giúp cho chúng sanh lìa tất cả mọi tà nghiệp. Tà nghiệp là tội nghiệp; nghiệp nơi Sáu nẻo luân hồi được gọi là tà nghiệp. Tu pháp để thoát khỏi Lục đạo, Tam giới, thì cái đó ở trong Lục đạo được gọi là chánh nghiệp. Tu thiện nghiệp, đời sau từ cõi Người sẽ nâng lên đến cõi Trời; tu Thiền định, từ cõi Dục giới nâng lên đến cõi Sắc giới; tu định Tứ Không, thì từ Sắc giới nâng lên đến Vô Sắc giới; lại tu Cửu thứ đệ định, sẽ siêu việt Sáu nẻo luân hồi, chứng đắc quả A La Hán. Cái này gọi là chánh nghiệp. Nếu như hướng xuống dưới mà đọa lạc, thì gọi là tà nghiệp; hướng xuống đọa lạc, từ cõi Người rớt xuống Tam ác đạo. Cho dù đời sau có được ở cõi Người, cũng vẫn xem là tà nghiệp.

Ở cõi Người cho dù là hưởng phước, hưởng phước thì không có ai mà chẳng tạo ác nghiệp. Phước hưởng tận rồi thì đọa vào ba đường ác, ác nghiệp liền hiện tiền. Cho nên, nghiệp thiện-ác nơi Sáu nẻo đều không được tạo, đây là cách tốt nhất. Tiểu thừa được xem là chánh nghiệp, vì có thể siêu việt Sáu nẻo luân hồi. Tốt nhất là Đại thừa, Đại thừa thì ra khỏi Thập Pháp giới; thế thì có thể vì chúng sanh hữu tình cởi các phiền trược, khiến họ thoát khỏi phiền não. Tam phượcbát triềnthảy đều phải hóa giải, như thế mới có thể đoạn phiền não, chứng Bồ đề. Chúng ta cầu sanh Tịnh độ, nếu như tu những pháp môn này, đối với việc vãng sanh Tịnh độ có sự trợ giúp rất lớn, khiến chúng ta thật sự nắm chắc phần vãng sanh. Giống như Hải Hiền Lão hòa thượng vậy, không cần người trợ niệm. Cần người trợ niệm là không chắc ăn, tự mình nắm chắc mười phần thì cần gì người khác trợ niệm! Làm phiền người ta, ý niệm này là chính xác!

Hôm nay thời gian tới rồi, chúng ta học đến chỗ này.

**A Di Dà Phật.**

1. **Tam phược**: Một là: tham phược; Hai là: sân phược; Ba là: si phược. [↑](#footnote-ref-1)
2. **Thập triền**:Thập triền là mười món trói buộc chúng sanh nên không thể ra khỏi vòng sanh tử để chứng Niết Bàn, bao gồm: Vô tàm: Khi phạm tội không thấy xấu hổ với mình; Vô quý: Không biết hổ thẹn với người khác khi mình phạm lỗi lầm; Tật đố: Ganh ghét người hơn mình về mọi mặt; San: Bỏn xẻn keo kiệt không dám đem của bố thí; Sân: Nóng giận, oán thù; Thùy miên: Ham mê ngủ nghỉ; Trạo cử: Thân và tâm luôn xao động; Hôn trầm: Tâm thức nặng nề khó ngủ; Sân nhuế: Sự sân giận nhơ nhớp; Phúc: Tráo trở dối trá Theo PHDS của Thích Nữ Đức Trí. [↑](#footnote-ref-2)
3. **Kế độ phân biệt** là một trong ba loại phân biệt; còn gọi là Suy độ phân biệt, Phân biệt tư duy. Nghĩa là, tâm thức duyên vào cảnh mà nó tiếp nhận rồi suy diễn, phán đoán, suy tính, là tác dụng của tán tuệ tương ưng với ý thức. Luận A-tì-đạt-ma câu-xá quyển hai (Đại 29, tám trung), nói: "***Tán nghĩa là chẳng phải định. Tán tuệ tương ứng với ý thức gọi là Kế độ phân biệt***". [↑](#footnote-ref-3)
4. Dịch âm: “Bổn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai”. [↑](#footnote-ref-4)
5. Có nghĩa là mình nói mà người ta nghe hiểu thì mới không uổng công mình nói. [↑](#footnote-ref-5)
6. **Kiết sử** 結使 (Bandhana) là chỉ cho những phiền não có khả năng trói buộc; chúng sanh vào cảnh mê, khiến cho không thể thoát khỏi cái khổ sinh tử. Bao gồm chín thứ: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Ác, Kiến, Thủ, Tật và San. Kiết sử cùng một thể với Phiền não, nghĩa là trói buộc, chỉ khác tên gọi mà thôi. [↑](#footnote-ref-6)